

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bình**

Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thụy S**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 22, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1981. Tổ 22, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án, và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thụy S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thụy S và ông Nguyễn Thanh H tìm hiểu với nhau một thời gian thì kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng vào ngày 19.5.2010. Sau khi kết hôn thì bà S và ông H về sống tại địa chỉ Số 30 đường H2 5, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến cuối năm 2019 vợ chồng bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà S trình bày là do ông H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bà S có video, cũng như tin nhắn chứng minh việc ngoại tình của ông H, dẫn đến ông H thường xuyên đánh đập bà S, cũng như ông H sống không có trách nhiệm với gia đình. Nay bà S xác định tình cảm của bà S không còn yêu thương ông H. Vì vậy bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

Về quan hệ con chung: Bà S xác định trong thời kỳ hôn nhân bà S và ông H có 02 con chung tên là: Nguyễn Hữu Thái T, sinh ngày 19.9.2009 và Nguyễn Hữu Chấn H3, sinh ngày 18.9.2018. Ly hôn bà S có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Hữu Chấn H3, ông H nuôi con Nguyễn Hữu Thái T cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà S và ông H không có tài sản chung và nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh H không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt lần hai, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thụy S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H không tham gia quá trình tố tụng, không tham dự phiên tòa là đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thụy S đối với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Hữu Chấn H3, sinh ngày 18.9.2018 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn

Hữu Thái T, sinh ngày 19.9.2009 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận L đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Thanh H, nhưng tại phiên tòa ông H vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thụy S và ông Nguyễn Thanh H đăng ký kết hôn vào ngày 19.5.2010, vào sổ số 53, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà S và ông H là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà S, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có văn bản phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà S. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà S, ông H đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà S trình bày do ông H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bà S có video, cũng như tin nhắn chứng minh việc ngoại tình của ông H, dẫn đến ông H thường xuyên đánh đập bà S, cũng như ông H sống không có trách nhiệm với gia đình. Ngày 25.02.2021 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông H, bà S sinh sống cho thấy, vợ chồng ông H bà S trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng, bà S có thông báo cho chính quyền địa phương biết về mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa ông H và bà S có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của bà S là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án việc ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông H không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà S và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà S đối với ông H, xử cho bà S được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà S xác định trong thời kỳ hôn nhân bà S và ông H có 02 con chung tên là: Nguyễn Hữu Thái T, sinh ngày 19.9.2009 và Nguyễn Hữu Chấn H3, sinh ngày 18.9.2018. Ly hôn bà S có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Hữu Chấn H3, ông H nuôi con Nguyễn Hữu Thái T cho đến khi các cháu đến tuổi

trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cha mẹ cha mẹ đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung ngang nhau. Hiện tại cháu Nguyễn Hữu Chấn H3 đang ở với mẹ, cháu Nguyễn Hữu Thái T đang ở với bố. Ly hôn bà S có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Chấn H3 chưa đủ 36 tháng tuổi. Về phía ông H trong quá trình giải quyết vụ án ông H không thể hiện ý kiến đối với con chung nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Hữu Chấn H3 cho bà S, giao cháu Nguyễn Hữu Thái T cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Bà S xác định bà và ông H không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà S phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thụy S đối với ông Nguyễn Thanh H về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thụy S được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 19.5.2010 của Ủy ban nhân dân phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu Thái T, sinh ngày 19.9.2009 cho ông Nguyễn Thanh H và giao con chung Nguyễn Hữu Chấn H3, sinh ngày 18.9.2018 cho bà Nguyễn Thị Thụy S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Thụy S phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0004648 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận L. Bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận L;
- UBND. phường H1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

